

TOPIC 24: INTERNATIONAL ORGANIZATIONS

I. VOCABULARY

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	Abuse	v	/ə'bjʊ:s/	lạm dụng
2	Alleviation	n	/ə'li:vi'eɪʃn/	sự giảm nhẹ
3	Attainment	n	/ə'teɪnmənt/	sự đạt được
4	Banner	n	/'bænər/	biểu ngữ
	Logo	n	/'ləʊgəʊ/	biểu tượng
	Motto	n	/'mɒtəʊ/	châm ngôn, khẩu hiệu
	Slogan	n	/'sləʊgən/	khẩu ngữ
5	Bygone	a	/'baɪɡən/	đã qua, là quá khứ
6	Catastrophe	n	/kə'tæstrəfi/	thảm họa
7	Charter	n	/'tʃɑ:rtər/	hiến chương
8	Diphtheria	n	/dɪf'θɪəriə/	bệnh bạch hầu
	Measles	n	/'mi:zlz/	bệnh sởi
	Smallpox	n	/'smɔ:lɒks/	bệnh đậu mùa
	Fever	n	/'fi:vər/	sốt
	Poliomyelitis	n	/ˌpɒliə'laɪtɪs/	sốt bại liệt
	Tetanus	n	/'tetnəs/	bệnh uốn ván
	Tuberculosis	n	/tju:ˌbɜ:kju'ləʊsɪs/	bệnh lao
	Mumps	n	/mʌmps/	bệnh quai bị
	Whooping cough	n	/'hu:pɪŋ kɒf/	bệnh ho gà
9	Committee	n	/kə'mɪti/	ủy ban
10	Comprehensive	a	/ˌkɒmprɪ'hensɪv/	bao hàm, toàn diện
11	Deterioration	n	/dɪ'tɪəriə'reɪʃn/	sự sa đọa, trở nên xấu đi
12	Disarm	v	/dɪs'a:m/	tước vũ khí
13	Disaster	n	/dɪ'zɑ:stər/	thảm họa
	Disastrous	a	/dɪ'zɑ:stərəs/	thảm khốc
14	Disseminate	v	/dɪ'semɪneɪt/	khuếch tán, phân tán
15	Earthquake	n	/'ɜ:θkweɪk/	động đất
16	Emergent	a	/ɪ'mɜ:dʒənt/	nổi lên, hiện ra
	Emergency	n	/ɪ'mɜ:dʒənsi/	tình trạng khẩn cấp
	Emergently	adv	/ɪ'mɜ:dʒəntli/	nổi bật lên một cách rõ nét
	Emergence	n	/ɪ'mɜ:dʒəns/	sự nổi lên, sự hiện ra
17	Empty-handed	a	/ˌempti'hændɪd/	tay trắng
18	Ensuing	a	/ɪn'sju:ɪŋ/	tiếp theo, nảy sinh từ
19	Epidemic	n	/ˌepɪ'demɪk/	bệnh dịch
20	Exclusive	a	/ɪk'sklu:sɪv/	độc quyền, riêng
21	Exhaustively	adv	/ɪg'zɔ:stɪvli/	một cách thấu đáo, tường tận
22	Famine	n	/'fæmɪn/	nạn đói
23	Fellowship	n	/'feləʊʃɪp/	tình bằng hữu

24	Guiltlessness	n	/ˈɡɪltləsnɪs/	<i>sự vô tội</i>
	Innocence	n	/ˈɪnəsns/	<i>sự ngây thơ, vô tội</i>
25	Human	n	/ˈhjuːmən/	<i>con người</i>
	Humanity	n	/hjuːˈmænəti/	<i>nhân loại</i>
	Humanization	n	/ˈhjuːmənəɪˈzeɪʃn/	<i>sự nhân tính hóa</i>
	Humanitarian	a	/hjuːˌmæniˈteəriən/	<i>nhân đạo</i>
26	Immorality	n	/ˌɪməˈræləti/	<i>sự trái đạo đức</i>
27	Immunization	n	/ˌɪmjunaɪˈzeɪʃn/	<i>sự miễn dịch, sự chủng ngừa</i>
28	Imperceptibly	adv	/ˌɪmpəˈseptəbli/	<i>không thể nhận thấy</i>
29	Infectious	a	/ɪnˈfekʃəs/	<i>dễ lây nhiễm</i>
	Infection	n	/ɪnˈfekʃən/	<i>sự lây nhiễm</i>
	Infect	v	/ɪnˈfek /	<i>lây nhiễm</i>
	Inflectional	a	/ɪnˈfekʃənəl/	<i>(thuộc) chỗ cong</i>
30	Inflation	n	/ɪnˈfleɪʃn/	<i>sự lạm phát</i>
	Deflation	n	/ˌdiːˈfleɪʃn/	<i>sự giảm phát</i>
31	Initiative	n	/ɪˈnɪʃətɪv/	<i>sự khởi xướng</i>
	Initiator	n	/ɪˈnɪʃiətər/	<i>người khởi xướng</i>
	Initiation	n	/ɪˌnɪʃiˈeɪʃn/	<i>sự bắt đầu, sự khởi đầu</i>
	Initiate	v	/ɪˈnɪʃiət/	<i>bắt đầu, khởi xướng</i>
32	Motto	n	/ˈmɒtəʊ/	<i>châm ngôn, khẩu hiệu</i>
33	Notable	a	/ˈnəʊtəbl/	<i>đáng kể, đáng chú ý</i>
34	Phenomenon	n	/fəˈnɒmɪnən/	<i>hiện tượng</i>
	Phenomena	n	/fəˈnɒmɪnən/	<i>hiện tượng (số nhiều)</i>
35	Policy	n	/ˈpɒləsi/	<i>chính sách</i>
36	Poverty	n	/ˈpɒvəti/	<i>sự nghèo đói</i>
37	Predecessor	n	/ˈpredəsəsər/	<i>người tiền nhiệm</i>
38	Principle	n	/ˈprɪnsəpl/	<i>nguyên lý</i>
39	Proliferate	v	/prəˈlɪfəreɪt/	<i>sinh sôi nảy nở</i>
40	Prosperity	n	/prɒˈsperəti/	<i>sự thịnh vượng</i>
41	Purity	n	/ˈpjʊərəti/	<i>sự thuần khiết</i>
42	Solidarity	n	/ˌsɒlɪˈdærəti/	<i>tình đoàn kết</i>
43	Supervise	v	/ˈsuːpəvaɪz/	<i>giám sát</i>
	Supervision	n	/ˌsuːpəˈvɪʒn/	<i>sự giám sát</i>
44	Swap	n	/swɒp/	<i>trao đổi</i>
45	Symbolize	v	/ˈsɪmbəlaɪz/	<i>tượng trưng cho</i>
	Symbol	n	/ˈsɪmbl/	<i>biểu tượng</i>
46	tackle	w	/ˈtækl/	<i>giải quyết, xử lý</i>
47	Tsunami	n	/tsuːˈnɑːmi/	<i>sóng thần</i>
48	Underprivileged	a	/ˌʌndəˈprɪvəlɪdʒd/	<i>thiệt thòi về quyền lợi</i>
49	Victim	n	/ˈvɪktɪm/	<i>nạn nhân</i>
50	Volcano	n	/vɒlˈkeɪnəʊ/	<i>núi lửa</i>

II. STRUCTURES

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	Against the law	<i>bất hợp pháp, trái pháp luật</i>
2	Behind closed doors	<i>giữ kín, không công khai</i>
3	Bring in	<i>ban hành</i>
4	Lay legal grounds for st	<i>tạo hành lang pháp lí cho cái gì</i>
5	Sweeping financial problems under the carpet: <i>che giấu vấn đề về tài chính thay vì giải quyết nó</i>	
6	Without a shadow of a doubt	<i>không mấy may nghi ngờ gì</i>

III. PRACTICE EXERCISES

Exercise 1: Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- Question 1: A. civilian B. official C. temporary D. tsunami
 Question 2: A. involve B. appall C. devote D. victim
 Question 3: A. initiate B. medical C. earthquake D. charity
 Question 4: A. volunteer B. epidemic C. humanistic D. disaster
 Question 5: A. injury B. dedicate C. principle D. result

Exercise 2: Mark the letter A, B, C, or D indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- Question 6: A. catastrophe B. trophy C. notify D. recipe
 Question 7: A. famine B. determine C. mineral D. miner
 Question 8: A. mission B. revision C. division D. collision
 Question 9: A. August B. gerund C. purpose D. suggest
 Question 10: A. emblem B. member C. regret D. theme

Exercise 3: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Question 11: Drastic measures should be taken to tackle the problems_____child abuse.
 A. involved B. to involve C. involving D. are involving
 Question 12: These new laws have laid legal grounds for_____inefficient co operatives.
 A. dissolving B. analyzing C. dividing D. disarming
 Question 13: The charity aims to_____food and shelter for underprivileged in the remote areas of the country.
 A. present B. assist C. provide D. offer
 Question 14: As an ASEAN member, Vietnam has actively participated in the groups programs and has also created new_____and cooperation mechanics.
 A. initiatives B. initiators C. initiations D. initiates
 Question 15: As soon as the supplies arrive, they will be_____to the starving people in the

flooded areas.

- A. distributed B. attributed C. contributed D. submitted

Question 16: "Excuse me. Where is the _____ office of OXFAM located?"

- A. leading B. head C. central D. summit

Question 17: The International Red Cross helps people in need without any discrimination based on _____ race, religion, class or political opinions.

- A. nation B. national C. nationality D. native

Question 18: The Government has brought _____ a new law in an effort to prevent further environmental deterioration.

- A. in B. about C. up D. on

Question 19: The firefighters' single-minded devotion to the rescue of the victims of the fire was _____

- A. respecting B. respective C. respectful D. respectable

Question 20: The opposition will be elected into government at the next election, without a _____ of a doubt.

- A. shade B. shadow C. benefit D. hue

Question 21: The management committee will meet several times this week to reach _____ decisions about the future of the factory.

- A. obvious B. direct C. brief D. sensible

Question 22: It's a shame that these two plans are _____ exclusive. Implementing one will automatically rule out the other.

- A. imperceptibly B. respectively C. mutually D. exhaustively

Question 23: Once _____ as the World Natural Heritage by UNESCO, Phong Nha - Ke Bang National Park attracts a great number of visitors worldwide.

- A. having recognized B. recognized C. recognizing D. is recognized

Question 24: The Red Cross organizes and leads relief assistance missions after _____ such as natural disasters, man-made disasters, and epidemics.

- A. emergent B. emergencies C. emergently D. emergence

Question 25: One of the tasks of the Red Cross is also to support local _____ care projects.

- A. health B. healthy C. healthful D. healthily

Question 26: The World Health Organization is the United Nations specialized agency for _____ health.

- A. a B. an C. the D. Ø

Question 27: One of the core tasks of the Red Cross is to organize nursing and _____ for those who are wounded on the battlefield.

- A. care B. attention C. victim D. catastrophe

Question 28: The International Red Cross and Red Crescent _____ occurs once every four years.

- A. Globe B. Society C. Conference D. Nations

Question 29: The mission of the Red Cross is also to supervise the _____ of prisoners of war.

- A. education B. encouragement C. treatment D. runaway

Question 30: The Food and Agriculture Organization (FAO)_____that leads international efforts to defeat hunger.

- A. it is a specialized agency in the United Nations
- B. as it is a specialized agency by the United Nations
- C. is a specialized agency of the United Nations
- D. a specialized agency of the United Nations

Question 31: Established on 7 April, 1948, and headquartered in Geneva, Switzerland, the World Health Organization inherited the mandate and resources of its_____the Health Organization.

- A. ancestor
- B. predecessor
- C. father
- D. origin

Question 32: The WHO's constitution_____that its objective is the attainment by all peoples of the highest possible level of health.

- A. declares
- B. claims
- C. states
- D. announces

Question 33: The_____is a legal agreement among the ten ASEAN member states.

- A. charter
- B. motto
- C. policy
- D. principle

Question 34: The WHO's major task is to combat diseases, especially key_____diseases, and to promote the general health of the people of the world.

- A. infectious
- B. infection
- C. infect
- D. inflectional

Question 35: The WHO also sponsors programs to prevent and treat serious_____such as SARS, malaria, and AIDS.

- A. disasters
- B. catastrophes
- C. phenomena
- D. epidemics

Question 36: The organization believes that immunization, which prevents the six major diseases of childhood - diphtheria, measles, poliomyelitis, tetanus, tuberculosis, and whooping cough-should be_____to all children who need it.

- A. prepared
- B. concerned
- C. interested
- D. available

Question 37: Not all the winners will receive great prizes, but nobody leaves_____

- A. blank-handed
- B. clear-handed
- C. empty-handed
- D. white-handed

Question 38: Over the past decade, Vietnam-ASEAN_____have been growing fast in all areas, particularly in politics and the economy.

- A. relates
- B. relatives
- C. relations
- D. relationships

Question 39: In former days, after the battles soldiers on both sides died or were left wounded on the field without any_____attendance and basic care.

- A. medicine
- B. medical
- C. medication
- D. medically

Question 40: The International Committee of the Red Cross is a private_____institution founded in 1863 in Geneva, Switzerland.

- A. human
- B. humanity
- C. humanization
- D. humanitarian

Exercise 4: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 41: The International Union for Conservation of Nature Red List is a comprehensive catalogue of the conservation status of species.

- A. complete
- B. rational
- C. understandable
- D. valuable

Question 42: The US troops are using much more sophisticated weapons in the Far East.

A. simple B. complicated C. difficult D. expensive

Question 43: They decided to postpone their journey till the end of the month because of epidemic.

A. put off B. turn round C. do away with D. carry on

Question 44: One of the aims of most Lay Organizations is to disseminate knowledge about Huntington's disease to local doctors, social workers and nursing homes.

A. dedicate B. compile C. condense D. disperse

Question 45: The United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (UNESCO), was established in 1946.

A. set up B. found out C. run through D. put away

Question 46: The protesters were angry with the council's plan to do away with a lovely old building and put a car park there instead.

A. destroy B. replace C. remain D. keep

Question 47: Mr. Young, general manager of the emergency response division of AMSA, said that the debris was spotted along a busy shipping route and could be containers that had fallen off cargo vessels.

A. seen B. collected C. shot D. analyzed

Question 48: If that was done on a national scale, we would wipe out this infectious disease.

A. establish B. retain C. maintain D. eliminate

Question 49: The FDA is the common name for the Food and Drug Administration. It is a government agency that makes consumer goods safe. It regulates food and the food supply.

A. controls B. adjusts C. forbids D. allows

Question 50: The government's interference in the strike has been widely criticised.

A. disapproval B. intervention C. limitation D. postponement

Question 51: The emblem of the Association of Southeast Asian Nations was designed basing on rice - the most important crop for the Southeast Asian people.

A. banner B. logo C. motto D. slogan

Question 52: ASEAN organised different projects and activities to integrate its members.

A. combine B. interest C. separate D. upgrade

Question 53: The major shortcoming of ASEAN as an organisation is the inability to go through many declarations, agreements, and instruments that they have proliferated over the years.

A. advantage B. benefit C. drawback D. success

Question 54: We have achieved considerable results in the economic field, such as high economic growth, stability and significant poverty alleviation over the past few years.

A. achievement B. development C. prevention D. reduction

Question 55: After the collapse of the Soviet Union in 1989, the 13th National Congress of the Communist Party of Vietnam adopted a resolution to have "more friends and fewer enemies".

A. breakdown B. decrease C. establish D. increase

Exercise 5: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 56: He was attentive as Betsy and I talked about our charity concert to help the victims of the recent floods.

- A. perceptive B. indifferent C. interested D. negligent

Question 57: Vietnam's admission to the World Trade Organization (WTO) has promoted its trade relations with other countries.

- A. balanced B. restricted C. expanded D. boosted

Question 58: The Red Cross is an international humanitarian agency dedicated to reducing the sufferings of wounded soldiers, civilians and prisoners of war.

- A. happiness B. pain and sorrow C. worry and sadness D. loss

Question 59: The nominating committee always meet behind closed doors, lest its deliberations become known prematurely.

- A. privately B. safely C. publicly D. dangerously

Question 60: The Association of Southeast Asian Nations, or ASEAN, was established on 8 August 1967 in Bangkok, Thailand, with Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore and Thailand, joining hands initially.

- A. basically B. firstly C. lastly D. officially

Question 61: Vietnam and Laos will closely cooperate to strengthen the solidarity of ASEAN and enhance the vital role of the group in regional security structure.

- A. agreement B. cooperation C. separation D. fellowship

Question 62: The country's continued prosperity is dependent on the opportunities and achievements of all its residents.

- A. poverty B. inflation C. insecurity D. wealth

Question 63: The colour white symbolises a lot of things, and one is that it represents purity and innocence.

- A. cleanness B. immorality C. honesty D. guiltlessness

Question 64: Many people perished in the Kobe earthquake because they were not prepared for it.

- A. survived B. departed C. lost their lives D. declined

Question 65: The committee, in an earlier report, was accused of sweeping financial problems under the carpet to avoid embarrassment.

- A. revealing the financial problems B. solving financial problems
C. causing the financial problems D. concealing the financial problems

Question 66: The second summit between US President Donald Trump and North Korean leader Kim Jong Un ended abruptly on Thursday, with a working lunch and a scheduled signing ceremony being called off.

- A. unexpectedly B. gradually C. suddenly D. courteously

Question 67: In Thailand, it's against the law to litter on the pavement. If you are caught, you can be fined up to 2,000 Baht.

- A. evil B. legal C. immoral D. wrong

Question 68: All countries are obliged to maintain stability and peace in the world, because instability

brings **undesired** effects.

- A. certain B. foreseen C. negative D. positive

Question 69: Many people afraid that the victory of US president-elect Donald Trump might affect stability in Asia, more specifically in the ASEAN region.

- A. failure B. insecurity C. poverty D. weakness

Question 70: The 28th and 29th ASEAN Summits opened in Vientiane, Laos, late on Tuesday on the theme of "Turning Vision into Reality for a **Dynamic** ASEAN Community".

- A. energetic B. inactive C. innovative D. productive

Exercise 6: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks from 71 to 75.

In recent years, the WTO has also made it a priority to assist developing nations as they come under WTO regulation. Many developing countries and emerging markets lack the experience and technical expertise needed to deal with large and very comprehensive trade agreements. The WTO provides them with critical training and support, (71)_____ ensuring that the WTO is inclusive and equitable toward both the wealthiest and the poorest nations in the world.

Part of the nondiscrimination mandate of the WTO is most-favored-nation (MFN) status. Most-favored-nation status requires that a WTO member must apply the same terms and conditions to (72) _____ with any and all other WTO members. Also, you (73) _____ experienced a version of most-favored-nation status as a child, when an adult told you that if you were going to take gum or candy to class, you had to bring enough for everyone.

One of the other key elements to the success of the WTO is its transparency requirement. WTO members are required to publish their trade regulations and follow a system that allows all external parties (74) _____ will review and evaluate any administrative decisions and their impact on trade regulations. When a WTO nation changes its trade policies, those changes must be reported to the WTO.

Overall, the WTO's mission is to improve the stability and (75) _____ of global trade. As a result, it tends to support free-trade, as opposed to protectionist, policies, and strongly discourages the use of quotas and other such restrictions on imports.

(Adapted from <https://courses.lumenlearning.com>)

Question 71: A. consequently B. so C. therefore D. thereby

Question 72: A. cope B. talk C. trade D. deal

Question 73: A. possibly B. probably C. likely D. surely

Question 74: A. that B. who C. whom D. which

Question 75: A. predict B. predictable C. predictability D. prediction

Exercise 7: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 76 to 83.

WWF, in full World Wide Fund for Nature, international organization committed to conservation of the environment. In North America, it is called the World Wildlife Fund.

In 1960, a group of British naturalists-most notably biologist Sir Julian Huxley, artist and conservationist

Peter Scott, and ornithologists Guy Mountfort and Max Nicholson-led an effort to establish an organization that protected endangered species and their habitats. The following year the World Wildlife Fund was founded; the international name was subsequently changed to World Wide Fund for Nature in 1989, although in the United States and Canada it retained the founding name. The organization's distinctive panda logo was created by Scott. In the face of growing environmental threats over the ensuing years, the WWF's activities expanded in scope. Today its mission statement is threefold: to conserve the world's biological diversity, to ensure that the use of renewable natural resources is sustainable, and to promote the reduction of pollution and of wasteful consumption. The organization has long included both conservationists and businesspeople with the intention of combining solid scientific data with well-managed action. It also seeks cooperation between nongovernmental organizations, local governments, and local populations. The WWF works closely with the World Conservation Union and has formed partnerships with the United Nations, the World Bank, and the European Union.

The WWF provides money for conservation initiatives around the world. These include programs focused on individual species, forests, and freshwater and marine issues as well as climate change and responsible international trade. The group has also been involved in efforts to provide a safe and sustainable habitat for the world's peoples, both urban and rural, including clean water, clean air, healthful food, and rewarding recreation areas. Among the WWF's notable achievements is its use of debt-for-nature swaps, in which an organization buys some of a country's foreign debt at a discount, converts the money to local currency, and then uses it to finance conservation efforts. The WWF's first successful debt-for-nature swap took place in 1987 in Ecuador.

At the beginning of the 21st century, the WWF was active in more than 100 countries and had more than five million supporters. The organization's international headquarters are in Gland, Switz., and it has more than 90 offices around the world.

(Source: <https://www.britannicci.corn/topic/WWF>)

Question 76: What topic does the passage mainly discuss?

- A. The history of WWF.
- B. What WWF has done to conserve the nature.
- C. The foundation of WWE
- D. The missions of WWF.

Question 77: When was WWF established?

- A. In 1960
- B. In 1961
- C. In 1989
- D. In 1990

Question 78: The word “ensuing” in the first paragraph is closest in meaning to

- A. bygone
- B. present
- C. following
- D. current

Question 79: According to the passage, what contemporary mission of WWF is **NOT** stated?

- A. to protect the biological variety of the world.
- B. to reduce pollution and prodigal consumption.

C. to make sure that renewable natural resources are used sustainably.

D. to protect endangered species and their habitats.

Question 80: The word “It” in paragraph 1 refers to _____

A. The organization

B. The attention

C. Solid scientific data

D. Well-managed action

Question 81: It can be inferred from the passage that _____

A. WWF was founded by a group of American biologists.

B. WWF has cooperated with many organizations to change its name.

C. WWF has made an effort to provide people with a sustainable world.

D. WWF uses debt-for-nature swap to lend money to foreign countries.

Question 82: The phrase “focused on” in paragraph 2 could best be replaced by _____

A. concentrated on

B. depended on

C. relied on

D. based on

Question 83: Which sentence is **CORRECT** about WWF?

A. Its panda logo was created by 2 men, an artist and a conservationist.

B. It has millions of supporters in about a hundred countries.

C. Its headquarters are in Sweden.

D. Its programs covered the issues of terrestrial and marine areas.

KEYS

STT	Đáp án	Giải thích chi tiết đáp án
1	C	A. civilian /sə'vɪliən/ (n): công dân (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ian làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) B. official /ə'fɪʃl/ (a): chính thức (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ial làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) C. temporary /'tempərɪ/ (a): tạm thời (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) D. tsunami /tsu:'nɑ:mi/ (n): sóng thần (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.) → Đáp án C có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
2	D	A. involve /ɪn'vɒlv/ (v): có liên quan tới (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm ưu tiên rơi vào âm cuối khi nó kết thúc với nhiều hơn một phụ âm.) B. appall /ə'pɔ:l/ (v): làm sốc (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) C. devote /dɪ'veɒt/ (v): cống hiến (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào tiền tố de-.) D. victim /'vɪktɪm/ (n): nạn nhân (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết

		đầu.) → Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
3	A	A. initiate /i'niʃieɪt/ (v): bắt đầu (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ate làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) B. medical /'medɪkl/ (a): (thuộc) y học (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngăn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) C. earthquake /'ɜ:kweɪk/ (n): động đất (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc danh từ ghép trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.) D. charity /'tʃærəti/ (n): hội từ thiện (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngăn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) → Đáp án A có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
4	D	A. volunteer /ˌvɒlən'tiər/ (n): tình nguyện (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc đuôi -eer nhận trọng âm.) B. epidemic /ˌepɪ'demɪk/ (n): thiên tai (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc hậu tố -ic làm trọng âm rơi vào âm trước hậu tố.) C. humanistic /ˌhju:mə'nɪstɪk/ (a): nhân đạo (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc hậu tố -ic làm trọng âm rơi vào âm trước hậu tố.) D. disaster /dɪ'zɑːstər/ (n): thiên tai (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm ưu tiên rơi vào nguyên âm dài /ɑː/) → Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.
5	D	A. injury /'ɪndʒəri/ (n): vết thương (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngăn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) B. dedicate /'dedɪkeɪt/ (v): cống hiến (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc đuôi -ate làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) C. principle /'prɪnsəpl/ (n): nguyên tắc (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) D. result /rɪ'zʌlt/ (n): kết quả (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc tiền tố re- không làm ảnh hưởng đến trọng âm của từ.) → Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
PHÁT ÂM		
6	C	A. catastrophe /kə'tæstrəfi/ B. trophy /'trɒfi/ C. notify /'nəʊtɪfaɪ/ D. recipe /'resəpi/
7	D	A. famine /'fæmɪn/ B. determine /dɪ'tɜːmɪn/ C. mineral /'mɪnərəl/ D. miner /'maɪnər/

8	A	A. mission /'mɪʃən/ B. revision /rɪ'vɪʒən/	C. division /dɪ'vɪʒən/ D. collision /kə'lɪʒən/
9	A	A. August /ɔ:'gʌst/ B. gerund /'dʒerənd/	C. purpose /'pɜ:pəs/ D. suggest /sə'dʒest/
10	D	A. emblem /'embləm/ B. member /'membər/	C. regret /rɪ'gret/ D. theme /θi:m/
TỪ VỰNG			
11	C	Kiến thức về giảm lược mệnh đề quan hệ ở thể chủ động ta dùng V_ing . Tạm dịch: Các biện pháp quyết liệt nên được thực hiện để giải quyết các vấn đề liên quan đến lạm dụng trẻ em.	
12	A	A. dissolving /dɪ'zɒlvɪŋ/ (v-ing): giải thể, giải tán B. analyzing /'ænləaɪzɪŋ/ (v-ing): phân tích C. dividing /dɪ'vaɪdɪŋ/ (v-ing): phân chia D. disarming /dɪs'ɑ:mɪŋ/ (v-ing): làm nguôi giận Tạm dịch: Những luật mới này tạo ra hành lang pháp lý để giải tán những hợp tác xã không hiệu quả.	
13	C	A. present /'prezənt/ (v): trình bày B. assist /ə'sɪst/ (v): hỗ trợ C. provide /prə'vaɪd/ (v): cung cấp D. offer /'ɒfər/ (v): đề nghị, đưa ra Cấu trúc: provide sb with st = provide st for sb: cung cấp cho ai cái gì Tạm dịch: Hoạt động từ thiện hướng tới cung cấp thực phẩm và nơi ở cho những người nghèo ở những khu vực hẻo lánh trong đất nước.	
14	A	A. initiative /ɪ'nɪʃətɪv/ (n): sáng kiến B. initiator /ɪ'nɪʃɪətər/ (n): người đưa ra sáng kiến C. initiation /ɪ,nɪʃi'eɪʃn/ (n): sự khởi xướng, sự bắt đầu D. initiate /ɪ'nɪʃɪət/ (v): khởi xướng Tạm dịch: Là một thành viên của ASEAN, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các chương trình của nhóm và đồng thời đưa ra những sáng kiến mới và hợp tác cơ khí.	
15	A	A. distributed /dɪ'strɪbjʊ:tɪd/ (v-ed): phân phát B. attributed /ə'trɪbjʊ:tɪd/ (v-ed): quy cho C. contributed /kən'trɪbjʊ:tɪd/ (v-ed): đóng góp D. submitted /səb'mɪtɪd/ (v-ed): nộp Tạm dịch: Ngay khi hàng cứu trợ tới chúng sẽ được phân phát tới những người đang chết đói ở những khu vực lũ lụt.	
16	B	A. leading /'li:dɪŋ/ (v-ing): hàng đầu B. head /hed/ (n): đầu, chính C. central /'sentrəl/ (a): trung tâm D. summit /'sʌmɪt/ (n): đỉnh, chóp Cụm từ: head office: cơ quan đầu não, trụ sở chính Tạm dịch: Làm ơn cho hỏi trụ sở chính của OXFAM nằm ở đâu vậy?	

17	C	A. nation /'neɪʃn/ (n): quốc gia B. national /'næʃnəl/ (a): thuộc quốc gia C. nationality /ˌnæʃə'neɪləti/ (n): quốc tịch D. native /'neɪtɪv/ (a): bản địa Tạm dịch: Hội chữ thập đỏ giúp đỡ những người đang cần giúp đỡ mà không phân biệt về quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo, tầng lớp hay quan điểm chính trị.
18	A	A. bring in: ban hành (luật) B. bring about: gây ra, đem lại C. bring up: nuôi nấng D. bring on: làm cho phải bần cãi Tạm dịch: Chính phủ vừa ban hành luật mới với nỗ lực ngăn chặn sự suy thoái môi trường.
19	D	A. respecting /rɪ'spektɪŋ/ (v-ing): tôn trọng B. respective /rɪ'spektɪv/ (a): lần lượt, tương ứng C. respectful /rɪ'spektfəl/ (a): lễ phép D. respectable /rɪ'spektəbəl/ (a): đáng kính trọng Tạm dịch: Sự cống hiến tận tâm của những người lính cứu hỏa trong việc giải cứu những nạn nhân của vụ hỏa hoạn là đáng được kính trọng.
20	B	Cụm từ: without a shadow of doubt: không mảy may nghi ngờ gì Tạm dịch: Đảng đối lập sẽ được bầu chọn vào chính phủ tại phiên bầu cử tới mà không có sự nghi ngờ gì.
21	D	A. obvious /'ɒbvɪəs/ (a): rõ ràng B. direct /daɪ'rekt/ (a): trực tiếp C. brief /bri:f/ (a): nhanh D. sensible /'sensəbəl/ (a): hợp lý Tạm dịch: Ban Giám đốc sẽ họp một vài lần trong tuần này để đi tới quyết định hợp lý nhất về tương lai của nhà máy.
22	C	A. imperceptibly /ˌɪmpə'septəbli/ (adv): không thể cảm nhận thấy B. respectively /rɪ'spektɪvli/ (adv): lần lượt, tương ứng C. mutually /'mju:tʃuəli/ (adv): lẫn nhau D. exhaustively /ɪg'zɔ:stɪvli/ (adv): toàn diện Tạm dịch: Thật đáng tiếc khi hai kế hoạch này không hỗ trợ lẫn nhau. Tiến hành một cái sẽ tự động loại trừ đi cái còn lại.
23	B	Sau once phải cộng với mệnh đề (S V O), câu này ta lược mệnh đề ở dạng bị động nên giữ lại Vp2. → B. organized /'ɔ:gənəɪzd/ (v-ed): được công nhận Tạm dịch: Khi được công nhận là Di sản thiên nhiên Thế giới bởi UNESCO, công viên quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng thu hút số lượng lớn khách du lịch toàn thế giới.
24	B	A. emergent /ɪ'mɜ:dʒənt/ (a): khẩn cấp B. emergencies /ɪ'mɜ:dʒənsi/ (n): những trường hợp khẩn cấp C. emergently /ɪ'mɜ:dʒəntli/ (a): khẩn cấp

		D. emergency /i'mɜ:dʒənsi/ (n): <i>trường hợp khẩn cấp</i> Tạm dịch: Hội Chữ thập đỏ tổ chức và dẫn dắt những sứ mệnh hỗ trợ cứu viện trong những trường hợp khẩn cấp như những thảm họa thiên nhiên, thảm họa do con người gây ra và các dịch bệnh.
25	A	A. health /helθ/ (n): <i>sức khỏe</i> B. healthy /helθi/ (a): <i>khỏe mạnh</i> C. healthful /'helθfəl/ (a): <i>lành mạnh</i> D. healthily /helθili/ (adv): <i>một cách khỏe mạnh</i> Tạm dịch: Một trong những nhiệm vụ của Hội Chữ thập đỏ là hỗ trợ những dự án chăm sóc sức khỏe địa phương.
26	D	Không sử dụng mạo từ trước danh từ chung, không xác định Tạm dịch: Tổ chức Y tế Thế giới là cơ quan chuyên môn về sức khỏe của Liên Hợp Quốc.
27	A	A. care /keə/ (v): <i>quan tâm</i> B. attention /ə'tenʃn/ (v): <i>chú ý</i> C. victim /'vɪktɪm/ (n): <i>nạn nhân</i> D. catastrophe /kə'tæstrəfi/ (n): <i>thảm họa, tai ương</i> Tạm dịch: Một trong những nhiệm vụ cốt lõi của Hội Chữ thập đỏ là tổ chức điều dưỡng và chăm sóc cho những người bị thương trên chiến trường.
28	C	A. Globe /gləʊb/ (n): <i>toàn cầu</i> B. Society /sə'saɪəti/ (n): <i>xã hội</i> C. Conference /'kɒnfərəns/ (n): <i>hội nghị</i> D. Nations /'neiʃn/ (n): <i>quốc gia</i> Tạm dịch: Hội chữ thập đỏ quốc tế và hội nghị trăng lưỡi liềm đỏ diễn ra bốn năm một lần.
29	C	A. education /ˌedʒu'keɪʃn/ (n): <i>sự giáo dục</i> B. encouragement /ɪn'kʌrɪdʒmənt/ (n): <i>sự khuyến khích</i> C. treatment /'tri:tmənt/ (n): <i>sự điều trị</i> D. runaway /'rʌnəweɪ/ (n): <i>người bỏ trốn</i> Tạm dịch: Sứ mệnh của hội chữ thập đỏ là giám sát việc chữa trị cho các tù nhân chiến tranh.
30	C	A. it is a specialized agency in the United Nations: <i>nó là một cơ quan chuyên môn tại Liên Hợp Quốc</i> B. it is a specialized agency by the United Nations: <i>nó là một cơ quan chuyên môn bởi Liên Hợp Quốc</i> C. is a specialized agency of the United Nations: <i>nó là một cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc</i> D. a specialized agency of the United Nations: <i>một cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc</i> Tạm dịch: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp (FAO) là một cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc dẫn đầu các nỗ lực quốc tế để đánh bại nạn đói.
31	B	A. ancestor /'ænsesətə/ (n): <i>tổ tiên</i> B. predecessor /'predəsəsətə/ (n): <i>ông cha, người tiền nhiệm</i>

		C. father /'fɑ:ðər/ (n): <i>cha</i> D. origin /'ɒrɪdʒɪn/ (n): <i>nguồn gốc</i> Tạm dịch: Được thành lập vào ngày mừng 7 tháng 4 năm 1948 và đặt trụ sở chính tại Geneva, Switzerland, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) kế thừa sự ủy nhiệm và các nguồn lực từ tổ chức tiền nhiệm, tổ chức sức khỏe thế giới.
32	C	A. declare /dɪ'kleər/ (v): <i>công bố</i> B. claim /kleɪm/ (v): <i>khẳng định</i> C. State /stet/ (v): <i>tuyên bố</i> D. announce /ə'naʊns/ (v): <i>thông báo</i> Tạm dịch: Hiến pháp của WHO tuyên bố mục tiêu của nó là đạt được thể trạng chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho tất cả mọi người.
33	A	A. charter /'tʃɑ:rtər/ (n): <i>hiến chương</i> B. motto /'mɒtəʊ/ (n): <i>khẩu hiệu</i> C. policy /'pɒləsi/ (n): <i>chính sách</i> D. principle /'prɪnsəpl/ (n): <i>nguyên tắc</i> Tạm dịch: Hiến chương là sự đồng thuận hợp pháp giữa mười nước thành viên của ASEAN.
34	A	A. infectious /ɪn'fekʃəs/ (a): <i>truyền nhiễm</i> B. infection /ɪn'fekʃn/ (n): <i>sự truyền nhiễm</i> C. infect /ɪn'fek/ (v): <i>lây nhiễm</i> D. inflectional /ɪn'flekʃənəl/ (a): <i>chỗ cong</i> Tạm dịch: Nhiệm vụ chính của WHO là tiêu diệt những căn bệnh, đặc biệt là những bệnh truyền nhiễm và thúc đẩy tình trạng sức khỏe chung của mọi người trên thế giới.
35	D	A. disaster /dɪ'zɑ:stər/ (n): <i>thảm họa</i> B. catastrophe /kə'tæstrəfi/ (n): <i>tai ương, thảm họa</i> C. phenomena /fə'nɒmɪnən/ (n): <i>hiện tượng lạ</i> D. epidemic /,epɪ'demɪk/ (n): <i>bệnh dịch</i> Tạm dịch: Tổ chức WHO cũng tài trợ cho những chương trình ngăn chặn và điều trị những bệnh dịch truyền nhiễm như SARS, bệnh sốt rét và bệnh AIDS.
36	D	A. prepared /prɪ'peəd/ (v-ed): <i>chuẩn bị</i> B. concerned /kən'sɜ:nd/ (v-ed): <i>quan tâm</i> C. interested /'ɪntrestɪd/ (v-ed): <i>hứng thú</i> D. available /ə'veɪləbl/ (a): <i>có sẵn</i> Tạm dịch: Tổ chức này tin rằng tiêm chủng, ngăn ngừa sáu bệnh chính của trẻ em - bạch hầu, sởi, viêm đa cơ, uốn ván, lao và ho gà - nên có sẵn cho tất cả trẻ em cần điều trị.
37	C	Chỉ có từ empty-handed /empti'hændɪd/ (a): <i>ra về trắng tay</i> Các đáp án A, B, D không có nghĩa. Tạm dịch: Không phải tất cả những người chiến thắng sẽ nhận được những giải thưởng lớn nhưng không có ai phải ra về trắng tay cả.
38	C	A. relate /rɪ'leɪt/ (v): <i>liên quan</i>

		B. relatives /'relətɪvz/ (n): họ hàng C. relations /rɪ'leɪʃnz/ (n): mối quan hệ (giữa hai nước, hai tổ chức) D. relationships /rɪ'leɪʃnʃɪps/ (n): mối quan hệ Tạm dịch: Trong thập kỷ qua, quan hệ Việt Nam-ASEAN đã phát triển nhanh chóng trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là về chính trị và kinh tế.
39	B	A. medicine /'medɪsən/ (n): thuốc uống, y học B. medical /'medɪkəl/ (a): thuộc y học, y khoa C. medication /medɪ'keɪʃən/ (n): dược phẩm, sự cho thuốc D. medically /'medɪkəli/ (adv): về mặt y học Tạm dịch: Trước đây, sau những trận chiến, những người lính ở cả hai phe sẽ chết hoặc bị bỏ rơi trong tình trạng bị thương trên chiến trường mà không có sự can thiệp của y học hay sự chăm sóc cơ bản nào.
40	D	A. human /'hju:mən/ (n): con người B. humanity /hju:'mænəti/ (n): nhân loại C. humanization /hju:mənə'zeɪʃən/ (n): sự nhân tính hoá D. humanitarian /hju:mənɪ'teəriən/ (a): nhân đạo Tạm dịch: Hội chữ thập đỏ quốc tế là tổ chức nhân đạo tư nhân được thành lập năm 1863 ở Geneva, Switzerland.
ĐỒNG NGHĨA		
41	A	Tạm dịch: Liên minh quốc tế về bảo tồn Sách đỏ là một danh mục toàn diện về tình trạng bảo tồn các loài động thực vật. → comprehensive /ˌkɒmpri'hensɪv/ (a): toàn diện Xét các đáp án: A. complete /kəm'pli:t/ (a): hoàn toàn B. rational /'ræʃnəl/ (a): có lý C. understandable /ˌʌndə'stændəbl/ (a): dễ hiểu D. valuable /'væljuəbl/ (a): quý giá
42	B	Tạm dịch: Quân đội Mỹ đang sử dụng nhiều vũ khí tinh vi hơn ở miền Viễn Đông. → sophisticated /sə'fɪstɪkeɪtɪd/ (a): phức tạp, tinh vi Xét các đáp án: A. simple /'sɪmpəl/ (a): đơn giản B. complicated /'kɒmplɪkeɪtɪd/ (a): phức tạp C. difficult /'dɪfɪkəlt/ (a): khó khăn D. expensive /ɪk'spensɪv/ (a): đắt đỏ
43	A	Tạm dịch: Họ quyết định hoãn hành trình đến cuối tháng vì dịch bệnh. → postpone /pə'spəʊn/ (v): trì hoãn Xét các đáp án: A. put off: trì hoãn B. turn round: quay lại C. do away with: bãi bỏ, hủy bỏ D. carry on: tiếp tục

44	D	Tạm dịch: Một trong những mục tiêu của hầu hết các Tổ chức Lay là phổ biến kiến thức về bệnh Huntington cho các bác sĩ địa phương, nhân viên xã hội và nhà dưỡng lão. → disseminate /di'semineɪt/ (v): phổ biến Xét các đáp án: A. dedicate /'dedɪkeɪt/ (v): cống hiến B. compile /kəm'paɪl/ (v): thu thập C. condense /kən'dens/ (v): làm đặc lại, cô đọng D. disperse /dɪ'spɜːs/ (v): phổ biến
45	A	Tạm dịch: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO), được thành lập vào năm 1946. → establish /ɪ'stæblɪʃ/ (v): thiết lập Xét các đáp án: A. set up: thành lập B. find out: tìm ra C. run through: kiểm tra D. put away: xếp dọn
46	A	Tạm dịch: Những người biểu tình tức giận với kế hoạch của hội đồng về việc phá bỏ một tòa nhà cổ xinh đẹp và xây dựng một bãi đậu xe thay thế. → do away with: xóa bỏ, thủ tiêu, hủy bỏ Xét các đáp án: A. destroy /dɪ'strɔɪ/ (v): phá hủy B. replace /rɪ'pleɪs/ (v): thay thế C. remain /rɪ'meɪn/ (v): còn lại D. keep /ki:p/ (v): giữ
47	A	Tạm dịch: ông Young, tổng giám đốc bộ phận ứng phó khẩn cấp của AMSA, nói rằng các mảnh vỡ đã được phát hiện dọc theo một tuyến đường vận chuyển đông đúc và có thể là những container đã rơi ra khỏi các tàu chở hàng. → spot /spɒt/ (v): nhận ra, phát hiện ra Xét các đáp án: A. see /si:/ (v): nhìn thấy, thấy B. collect /kə'lekt/ (v): thu gom, thu thập C. shoot /ʃʊt/ (v): bắn súng D. analyze /'ænləɪz/ (v): phân tích
48	D	Tạm dịch: Nếu điều đó được thực hiện ở quy mô quốc gia, chúng tôi sẽ loại bỏ hoàn toàn căn bệnh truyền nhiễm này. → wipe out: quét sạch, loại bỏ hoàn toàn Xét các đáp án: A. establish /ɪ'stæblɪʃ/ (v): thiết lập B. retain /rɪ'teɪn/ (v): giữ lại C. maintain /meɪn'teɪn/ (v): duy trì D. eliminate /ɪ'lɪmɪneɪt/ (v): loại bỏ

49	A	Tạm dịch: FDA là tên gọi chung của Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm. Nó là một cơ quan chính phủ, cái mà đảm bảo an toàn cho hàng tiêu dùng. Nó kiểm soát thực phẩm và nguồn cung cấp thực phẩm. → regulate /'regjuleɪt/ (v): kiểm soát Xét các đáp án: A. control /kən'trəʊl/ (v): kiểm soát B. adjust /ə'dʒʌst/ (v): thích nghi C. forbid /fə'bɪd/ (v): cấm, ngăn cản D. allow /ə'laʊ/ (v): cho phép
50	B	Tạm dịch: Sự can thiệp của chính phủ vào cuộc đình công đã bị chỉ trích rộng rãi. → interference /,ɪntə'fɪərəns/ (n): sự can thiệp Xét các đáp án: A. disapproval /,dɪsə'pruːvl/ (n): sự phản đối B. intervention /,ɪntə'venʃn/ (n): sự xen vào C. limitation /,lɪmɪ'teɪʃn/ (n): sự hạn chế D. postponement /pə'spəʊnmənt/ (n): sự trì hoãn
51	B	Tạm dịch: Biểu tượng của Hiệp hội các Quốc gia được thiết kế dựa trên cây lúa nước - cây trồng quan trọng nhất đối với người dân Đông Nam Á. → emblem /'embləm/ (n): biểu tượng Xét các đáp án: A. banner /'bænər/ (n): biểu ngữ B. logo /'ləʊgəʊ/ (n): biểu tượng C. motto /'mɒtəʊ/ (n): khẩu hiệu D. slogan /'sləʊgən/ (n): khẩu hiệu
52	A	Tạm dịch: ASEAN đã tổ chức nhiều dự án và hoạt động khác nhau để liên kết các thành viên. → integrate /'ɪntɪɡreɪt/ (v): liên kết, kết hợp Xét các đáp án: A. combine /kəm'baɪn/ (v): kết hợp B. interest /'ɪntrəst/ (v): thích thú C. separate /'seprət/ (v): chia tách D. upgrade /'ʌpgreɪd/ (v): cải thiện
53	C	Tạm dịch: Khuyết điểm lớn của ASEAN với tư cách là một tổ chức là không có khả năng thực hiện thành công những tuyên bố, thỏa thuận và các văn kiện mà họ đã phát triển trong những năm qua. → shortcoming /'ʃɔːtkʌmɪŋ/ (n): điểm yếu, khuyết điểm Xét các đáp án: A. advantage /əd'vɑːntɪdʒ/ (n): lợi ích B. benefit /'benɪfɪt/ (n): lợi ích C. drawback /'drɔːbæk/ (n): khuyết điểm D. success /sək'ses/ (n): thành công
54	D	Tạm dịch: Chúng ta đã đạt được kết quả đáng kể trong lĩnh vực kinh tế, như tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, tình hình giảm nghèo đáng kể và ổn định trong vài

		<i>năm qua.</i> → alleviation /əˈliːviːeɪʃn/ (n): <i>sự làm nhẹ bớt</i> Xét các đáp án: A. achievement /əˈtʃiːvmənt/ (n): <i>thành tích</i> B. development /dɪˈveləpmənt/ (n): <i>sự phát triển</i> C. prevention /prɪˈvenʃn/ (n): <i>sự ngăn cản</i> D. reduction /rɪˈdʌkʃn/ (n): <i>sự giảm</i>
55	A	Tạm dịch: Sau khi Liên Xô sụp đổ năm 1989, Đại hội Cộng sản toàn quốc lần thứ 13 Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua nghị quyết để có thêm nhiều bạn bè và ít kẻ thù hơn. → collapse /kəˈlæps/ (v): <i>sụp đổ</i> Xét các đáp án: A. breakdown /ˈbreɪkdaʊn/ (v): <i>hư hỏng, đổ sụp</i> B. decrease /dɪˈkriːs/ (v): <i>giảm</i> C. establish /ɪˈstæblɪʃ/ (v): <i>thiết lập</i> D. increase /ɪnˈkriːs/ (v): <i>tăng</i>
TRÁI NGHĨA		
56	B	Tạm dịch: Anh ấy chăm chú nghe khi Betsy và tôi nói về buổi hòa nhạc từ thiện của chúng tôi để giúp đỡ các nạn nhân của những trận lũ lụt gần đây. → attentive /əˈtentɪv/ (a): <i>chú ý</i> Xét các đáp án: A. perceptive /pəˈseptɪv/ (a): <i>sâu sắc</i> B. indifferent /ɪnˈdɪfrənt/ (a): <i>thờ ơ, dửng dưng</i> C. interested /ˈɪntərəstɪd/ (a): <i>cảm thấy thích thú</i> D. negligent /ˈneglɪdʒənt/ (a): <i>cẩu thả, lơ đãng, sao nhãng</i>
57	B	Tạm dịch: Việc tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam đã thúc đẩy quan hệ thương mại của nước ta với các nước khác. → promote /prəˈməʊt/ (v): <i>thúc đẩy</i> Xét các đáp án: A. balance /ˈbæləns/ (v): <i>cân bằng</i> B. restrict /rɪˈstrɪkt/ (v): <i>hạn chế</i> C. expand /ɪkˈspænd/ (v): <i>mở rộng</i> D. boost /buːst/ (v): <i>cải thiện</i>
58	A	Tạm dịch: Hội Chữ thập đỏ là một cơ quan nhân đạo quốc tế, dành riêng cho việc giảm bớt những đau khổ của những thương binh, dân thường và tù binh chiến tranh. → suffering /ˈsʌfərɪŋ/ (n): <i>nỗi đau</i> Xét các đáp án: A. happiness /ˈhæpɪnəs/ (n): <i>niềm vui</i> B. pain and sorrow: <i>nỗi đau</i> C. worry and sadness: <i>sự lo lắng, buồn rầu</i> D. loss /lɒs/ (n): <i>sự mất mát</i>

59	C	Tạm dịch: ủy ban đề cử luôn họp bí mật, vì sợ rằng các cuộc thảo luận của họ sẽ được biết sớm. → behind closed doors: giữ kín, không công khai Xét các đáp án: A. privately /'praɪvətli/ (adv): riêng tư B. safely /'seɪfli/ (adv): an toàn C. publicly /'pʌblɪkli/ (adv): công khai D. dangerously /'deɪndʒərəsli/ (a): nguy hiểm
60	C	Tạm dịch: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, hay còn gọi là ASEAN, được thành lập vào ngày 8 tháng 8 năm 1967 tại Bangkok, Thái Lan, và 5 quốc gia Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan, là những thành viên đầu tiên tham gia. → initially /ɪ'niʃəli/ (adv): đầu tiên Xét các đáp án: A. basically /'beɪsɪkli/ (adv): cơ bản B. firstly /'fɜːstli/ (adv): đầu tiên C. lastly /'lɑːstli/ (adv): cuối cùng D. officially /ə'fɪʃəli/ (adv): chính thức
61	C	Tạm dịch: Việt Nam và Lào sẽ hợp tác chặt chẽ để tăng cường sự đoàn kết của ASEAN và tăng cường vai trò quan trọng của nhóm trong cấu trúc an ninh khu vực. → solidarity /ˌsɒlɪ'dærəti/ (n): sự đoàn kết Xét các đáp án: A. agreement /ə'ɡri:mənt/ (n): sự đồng ý B. cooperation /ˌkəʊˌɒpə'reɪʃn/ (n): sự hợp tác C. separation /ˌsepə'reɪʃn/ (n): sự chia rẽ D. fellowship /'feləʃɪp/ (n): tình bằng hữu
62	A	Tạm dịch: Sự thịnh vượng lâu dài của một đất nước phụ thuộc vào những cơ hội và thành tựu của tất cả cư dân của nó. → prosperity /prə'sperəti/ (n): sự giàu có, sự thịnh vượng Xét các đáp án: A. poverty /'pɒvəti/ (n): sự nghèo đói B. inflation /ɪn'fleɪʃn/ (n): sự lạm phát C. insecurity /ˌɪnsɪ'kjʊərəti/ (n): sự thiếu tự tin D. wealth /welθ/ (n): sự giàu có
63	B	Tạm dịch: Màu trắng tượng trưng cho rất nhiều thứ, và một trong số đó là nó đại diện cho sự thuần khiết và ngây thơ. → purity /'pjʊərəti/ (n): sự thuần khiết Xét các đáp án: A. cleanness /kli:nəs/ (n): sự sạch sẽ B. immorality /ˌɪmə'ræləti/ (n): sự đồi bại C. honesty /'ɒnəsti/ (n): sự chân thật D. guiltlessness /'ɡɪltləsnəs/ (n): sự vô tội
64	A	Tạm dịch: Nhiều người đã thiệt mạng trong trận động đất Kobe vì họ không có sự chuẩn bị trước.

		→ perish /'perɪʃ/ (v): <i>chết, thiệt mạng</i> Xét các đáp án: A. survive /sə'vaɪv/ (v): <i>tồn tại</i> B. depart /dɪ'pa:t/ (v): <i>cất cánh, rời</i> C. lost their lives: <i>mất mạng</i> D. decline /dɪ'klaɪn/ (v): <i>giảm</i>
65	A	Tạm dịch: Trong một báo cáo trước đó, ủy ban đã bị buộc tội che giấu vấn đề tài chính thay vì giải quyết nó để tránh rắc rối. → sweeping financial problems under the carpet: <i>che giấu vấn đề về tài chính thay vì giải quyết nó</i> Xét các đáp án: A. revealing the financial problems: <i>làm lộ vấn đề tài chính</i> B. solving financial problems: <i>giải quyết vấn đề tài chính</i> C. causing the financial problems: <i>gây ra vấn đề tài chính</i> D. concealing the financial problems: <i>che giấu vấn đề tài chính</i>
66	B	Tạm dịch: Hội nghị thượng đỉnh lần thứ hai giữa Tổng thống Mỹ Donald Trump và nhà lãnh đạo Triều Tiên Kim Jong Un đã kết thúc đột ngột vào thứ Năm, với một buổi làm việc vào giờ ăn trưa và một buổi lễ ký kết theo lịch trình đã bị hủy bỏ. → abruptly /ə'brʌptli/ (adv): <i>đột nhiên, đột ngột</i> Xét các đáp án: A. unexpectedly /ˌʌnɪk'spektɪdli/ (adv): <i>bất ngờ</i> B. gradually /'grædʒʊəli/ (adv): <i>dần dần</i> C. suddenly /'sʌdənli/ (adv): <i>đột nhiên</i> D. courteously /'kɜːtiəsli/ (adv): <i>lịch sự, nhã nhặn</i>
67	B	Tạm dịch: Ở Thái Lan, việc xả rác trên vỉa hè là trái pháp luật. Nếu bạn bị bắt, bạn có thể bị phạt lên tới 2,000 Baht. → against the law: <i>bất hợp pháp, trái pháp luật</i> Xét các đáp án: A. evil /'iːvəl/ (a): <i>xấu xa</i> B. legal /'liːgəl/ (a): <i>hợp pháp</i> C. immoral /ɪ'mɒrəl/ (a): <i>trái đạo đức, xấu xa</i> D. wrong /rɒŋ/ (a): <i>sai</i>
68	D	Tạm dịch: Tất cả các quốc gia có nghĩa vụ duy trì sự ổn định và hòa bình trên thế giới, bởi vì sự bất ổn mang lại những tác động không mong muốn. → undesired /ʌndɪ'zaɪəd/ (a): <i>không mong muốn</i> Xét các đáp án: A. certain /'sɜːtn/ (a): <i>chắc chắn</i> B. foreseen /fɔː'siː/ (a): <i>đoán trước được</i> C. negative /'negətɪv/ (a): <i>tiêu cực</i> D. positive /'pɒzətɪv/ (a): <i>tích cực</i>
69	B	Tạm dịch: Nhiều người sợ rằng chiến thắng của tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump có thể ảnh hưởng đến sự ổn định ở châu Á, cụ thể hơn là ở khu vực

		<i>ASEAN.</i> → stability /stə'biləti/ (n): <i>sự ổn định</i> Xét các đáp án: <i>A. failure /'feɪljər/ (n): sự thất bại</i> <i>B. insecurity /ˌɪnsɪ'kjʊərəti/ (n): sự thiếu an toàn, tình trạng bất bình</i> <i>C. poverty /'pɒvəti/ (n): sự nghèo đói</i> <i>D. weakness /'wi:knəs/ (n): điểm yếu</i>
70	B	Tạm dịch: Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 28 và 29 đã khai mạc tại Viên Chăn, Lào, vào chiều ngày thứ Ba với chủ đề "Biến tầm nhìn thành hiện thực cho một cộng đồng ASEAN năng động". → dynamic /daɪ'næmɪk/ (a): <i>năng động</i> Xét các đáp án: <i>A. energetic /ˌenə'dʒetɪk/ (a): giàu năng lượng</i> <i>B. inactive /ɪn'æktɪv/ (a): thiếu hoạt động, ì ạch</i> <i>C. innovative /'ɪnəveɪtɪv/ (a): có tính đổi mới</i> <i>D. productive /prə'dʌktɪv/ (a): năng suất</i>
ĐỌC ĐIỀN		
71	D	<i>A. consequently: do đó, vì vậy</i> <i>B. so: vì vậy</i> <i>C. therefore: do đó, vì vậy</i> <i>D. thereby: vì vậy</i> (Thereby + Ving, các từ còn lại theo sau là 1 mệnh đề) Tạm dịch: "The WTO provides them with critical training and support, (71) thereby ensuring that the WTO is inclusive and equitable toward both the wealthiest and the poorest nations in the world." (<i>WTO cung cấp cho họ các khóa đào tạo và hỗ trợ quan trọng, vì vậy đảm bảo rằng WTO bao dung và công bằng đối với cả các quốc gia giàu nhất và nghèo nhất trên thế giới.</i>)
72	C	<i>A. cope with: đương đầu với</i> <i>B. talk with: nói chuyện với</i> <i>C. trade with: đàm phán thương mại với, giao dịch</i> <i>D. deal with: giải quyết</i> Tạm dịch: "Most-favored-nation status requires that a WTO member must apply the same terms and conditions to (72) trade with any and all other WTO members." (<i>Địa vị quốc gia được ưa chuộng nhất đòi hỏi một thành viên WTO phải áp dụng các điều khoản và điều kiện tương tự để đàm phán thương mại với bất kỳ và tất cả các thành viên WTO khác.</i>)
73	B	<i>A. possibly: có khả năng (có thể có, có thể không)</i> <i>B. probably: có khả năng, có thể (chắc chắn trên 50%)</i> <i>C. likely: có khả năng (to be likely + to do st)</i> <i>D. surely: chắc chắn</i> Tạm dịch: Also, you (73) probably experienced a version of most-favored-nation status as a child, when an adult told you that if you were going to take

		gum or candy to class, you had to bring enough for everyone. (Ngoài ra, bạn (73) có thể đã trải qua một phiên bản của địa vị quốc gia được ưa chuộng nhất khi còn nhỏ, khi một người lớn nói với bạn rằng nếu bạn định mang kẹo cao su hoặc kẹo đến lớp, bạn phải mang đủ cho mọi người.)
74	A	A. that (đại từ quan hệ thay thế cho danh từ chỉ người và vật) B. who (đại từ quan hệ thay thế cho danh từ chỉ người) C. whom (đại từ quan hệ thay thế cho danh từ chỉ người) D. which (đại từ quan hệ thay thế cho danh từ chỉ vật) - Trong trường hợp xuất hiện từ "all" chúng ta dùng đại từ quan hệ "that" để thay thế. Tạm dịch: "WTO members are required to publish their trade regulations and follow a system that allows all external parties (74) that will review and evaluate any administrative decisions and their impact on trade regulations." (Các thành viên WTO được yêu cầu công bố các quy định thương mại của mình và tuân thủ một hệ thống mà cho phép tất cả các nhóm bên ngoài sẽ xem xét và đánh giá mọi quyết định hành chính và tác động của chúng đối với các quy định thương mại.)
75	C	A. predict /prɪˈdɪkt/ (v): dự đoán B. predictable /prɪˈdɪktəbl/ (a): có thể dự đoán được C. predictability /prɪˌdɪktəˈbɪləti/ (n): tính có thể dự đoán được D. prediction /prɪˈdɪkʃn/ (n): sự dự báo, lời tiên tri Tạm dịch: "Overall, the WTO's mission is to improve the stability and (75) predictability of global trade." (Nhìn chung, sứ mệnh của WTO là cải thiện sự ổn định và (75) khả năng dự đoán của thương mại toàn cầu.)
ĐỌC HIỂU		
76	B	Chủ đề chính mà đoạn văn này thảo luận là gì? A. Lịch sử của WWE B. Những việc mà WWF đã làm để bảo tồn thiên nhiên C. Sự thành lập WWF. D. Sứ mệnh của WWF.
77	B	Tổ chức WWF được thành lập vào năm nào? A. Năm 1960 B. Năm 1961 C. Năm 1989 D. Năm 1990 Căn cứ thông tin đoạn 1: In 1960, a group of British naturalists-most notably biologist Sir Julian Huxley, artist and conservationist Peter Scott, and ornithologists Guy Mountfort and Max Nicholson-led an effort to establish an organization that protected endangered species and their habitats. The following year the World Wildlife Fund was founded. (Năm 1960, 1 nhóm các nhà tự nhiên học người Anh - đáng chú ý nhất là nhà sinh vật học Julian Huxley, nhà họa sĩ và bảo tồn học Peter Scott và những nhà điều chỉnh học Guy Mountfort và Max Nicholson - đã cùng nỗ lực thành lập 1 tổ chức để bảo vệ các loài động vật đang có nguy cơ tuyệt chủng và môi trường)

		- Câu B sai vì theo thông tin đoạn 3: At the beginning of the 21st century, the WWF was active in more than 100 countries and had more than five million supporters. (Đầu thế kỉ 21, tổ chức WWF đã hoạt động ở trên 100 quốc gia và có hơn 5 triệu người ủng hộ). - Câu C sai vì theo thông tin đoạn 3: The organization's international headquarters are in Gland, Switz. (Tổ chức này có trụ sở quốc tế ở Gland, Thụy Sĩ).
--	--	---